TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Ông Trần Thanh Việt

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST–DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Mỹ L, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 5G đường Nội Bộ, phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị P, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 36D1 đường Trường Chinh, khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ P, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Thành P; Địa chỉ Hẻm 1, tổ 13-16 đường Lê Triệu Kiết, khóm Bình Long 1, phường Mỹ B, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

Vào ngày 11/10/2011, ông Nguyễn Thành P có đến gặp bà hỏi vay số tiền 50.000.000đ, do chỗ quen biết nên bà đồng ý nhưng sau đó ông P không vay mà ông dẫn một người phụ nữ tên Võ Thị P nói là vợ ông và kêu bà cho P vay 50.000.000đ. Nghĩ chỗ quen biết nên bà đồng ý, khi nhận tiền thì bà P có viết biên nhận nợ ngày 11/10/2011, hẹn tháng 12/2012 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng và kèm theo giấy chứng minh nhân dân (photo) mang tên Võ Thị P. Sau khi vay thì bà P có đóng lãi được 01 tháng 2.500.000đ thì ngưng cho đến nay mặc dù bà nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P chỉ hứa hẹn mà không thực hiên. Đến ngày 17/7/2017, bà có làm đơn nhờ ban khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên hòa giải nhưng không thành; ngày 25/7/2017, bà có nhờ thừa phát lại Long Xuyên lập vi bằng về việc bà có thông báo yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P chỉ ký thông báo nhưng bà P vẫn không thực hiện việc trả nợ nên bà mới làm đơn khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà số tiền còn nợ là 50.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Đối với ông P là người giới thiệu bà P đến vay tiền của bà và ông P chỉ chứng kiến việc bà P nhận tiền, ghi biên nhận nợ với bà nên bà xác định chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà Võ Thị P có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

* Bị đơn bà Võ Thị P vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nhưng bà có gửi bản tự khai ngày 27/11/2017 trình bày như sau:

Bà không có làm ăn qua lại hay vay mượn gì với bà L. Trước đây có đoàn thừa phát lại đến nhà bà đe dọa kêu bà ký vào biên bản, do ở nhà một mình sợ nên bà mới đồng ý ký vào biên bản. Bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành P vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Võ Thị P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 50.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung tranh chấp: Qua sự giới thiệu của ông P thì bà L có cho bà P vay 50.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả tháng 02/2012 thể hiện qua biên nhận ngày 11/10/2011. Sau khi vay, bà P có đóng lãi được 2.500.000đ thì ngưng cho đến nay. Đến ngày 17/7/2017, bà L có làm đơn đến Văn phòng khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ Phước hòa giải nhưng không thành. Ngày 25/7/2017, bà L có yêu cầu Văn phòng thừa phát lại Long Xuyên lập vi bằng về việc yêu cầu bà P thanh toán nợ cho bà L trong vòng 15 ngày. Do bà P không thực hiện nên bà L khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền còn nợ là 50.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy bà L căn cứ vào biên nhận nợ ngày 11/10/2011, do bà P ghi và vi bằng số 38 ngày 25/7/2017 của Văn phòng thừa phát lại Long Xuyên lập thể hiện bà P có ký nhận việc lập vi bằng về việc bà L yêu cầu bà P thanh toán nợ, bên cạnh đó bà P có trình bày tại Văn phòng khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên là bà đã đóng tiền lãi nhiều nên đề nghị chuyển hồ sơ lên trên giải quyết điều này thể hiện việc vay mượn giữa hai bên là có xảy ra. Còn việc bà P cho rằng không có làm ăn, không tranh chấp gì với bà L đó là lời trình bày của bà và bà không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó bà L căn cứ vào biên nhận nợ ngày 11/10/2011, do bà P ký tên để khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền 50.000.000đ là phù hợp với Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Dương Thị Mỹ L với bà Võ Thị P là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án

nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Dương Thị Mỹ L là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định bà Võ Thị P là bị đơn, ông Nguyễn Thành P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà Võ Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà P, ông P. Như vậy, từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án bà P, ông P đã từ chối các quyền cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn và người liên quan theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Võ Thị P, ông Nguyễn Thành P.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và đã thực hiện xong giao dịch nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án áp dụng bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo trình bày của bà L, vào ngày 11/10/2011, bà có cho bà Võ Thị P vay 50.000.000đ, khi vay bà P có viết cho bà biên nhận nợ ngày 11/10/2011, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, hẹn tháng 12/2012 thanh toán. Sau khi vay thì bà P có đóng lãi được 01 tháng 2.500.000đ thì ngưng nên bà L khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà số tiền còn nợ là 50.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bà L cho rằng bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2012 đến nay và căn cứ vào biên nhận nợ ngày 11/10/2011 do bà P ký nhận để khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà số tiền 50.000.000đ. Giấy nhận nợ bằng văn bản ngày 11/10/2011 là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 và ghi rõ họ tên người cho vay là Dương Thị Mỹ L, người ký vay là Võ Thị P; ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ trả nợ, thời gian trả nợ cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại các Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005. Tuy bà P không thừa nhận việc vay mượn nợ với bà L nhưng căn cứ vào biên nhận nợ ngày 11/10/2011 có chữ ký của bà P và vi bằng ngày 25/7/2017, về việc L thông báo yêu cầu bà P trả nợ thì bà P không phản đối và ký nhận thông báo về việc yêu cầu trả nợ cho bà L mà thừa phát lại đã lập; hơn nữa tại biên bản hòa giải

ngày 17/7/2017 của ban khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ Phước thể hiện trong vi bằng thì bà P cho rằng có nợ và đã đóng lãi cho bà L nhiều, điều này thể hiện việc vay mượn giữa bà L và bà P là thực tế có xảy ra. Việc bà P cho rằng không có làm ăn, không tranh chấp gì với bà L đó là lời trình bày của bà và bà không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Nên bà L căn cứ vào biên nhận nợ ngày 11/10/2011, do bà P ký tên để khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền 50.000.000đ là phù hợp với Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ L được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do bà L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn bà Võ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471; Điều 474; Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ L đối với bị đơn bà Võ Thị P.

Buộc bà Võ Thị P phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Mỹ L 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị P phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị Mỹ L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án và bà có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền